

TỤC LỆ PHÁP (3)

NHỮNG THẨM PHÁN & LUẬT SƯ NÀO Ở NƯỚC ANH ĐÃ ỦNG HỘ HAY CHỐNG ĐỐI TỤC LỆ PHÁP

Trong bài trước, người viết đã trình bày khái quát về những quyền lợi vật chất mà Tục lệ pháp mang lại cho giới luật sư ở nước Anh ra sao, nhưng đối với người dân Anh thì Tục lệ pháp lại còn là một thứ vũ khí sắc bén để chống lại sự chuyên chế của Vương quyền.

I. Tục lệ pháp là một thứ vũ khí sắc bén của người dân chống lại Vương quyền.

Thật vậy, trong suốt chiều dài của Pháp chế sử của nước Anh, chỉ duy nhất có một thời kỳ mà Tục lệ pháp bị đe dọa trầm trọng, có nguy cơ bị hủy diệt, để ngả theo khuynh hướng Dân Luật. Đó là vào hai thế kỷ thứ 16 và 17, thời kỳ mà hai giòng họ thịnh trị nhất là Tudors và Stuarts trị vì Anh quốc. Vào thế kỷ thứ 17 dưới triều đại của giòng họ Stuarts đã xảy ra một cuộc tranh chấp dữ dội giữa nhà Vua và Quốc Hội, vì nhà Vua muốn nước Anh phải được cai trị bởi một chính thể Quân chủ chuyên chế. Trong cuộc tranh chấp này, nhà Vua đã cầu viện tới luật La mã để hậu thuẫn cho quyết định của mình. Lập luận này đã căn cứ vào một tục giao chính trị, được phát biểu như sau: “*Những gì mà Vua muốn đều có hiệu lực pháp luật*” (Whatever pleased the King had the force of law).

Vào thời kỳ này, Tục lệ pháp bắt đầu suy yếu bởi vì ngoài số các tòa án đã có sẵn, một loạt những loại pháp đình mới của nhà Vua và những cơ cấu bán tư pháp cũng được thành lập, đặc biệt là một loại tòa án cao cấp có tên là ‘**Star chamber**’ chuyên xét xử những trọng tội chính trị. Những tòa án mới thành lập này có nhiệm vụ trực tiếp thi hành ý muốn của nhà Vua, và áp dụng những thủ tục theo kiểu mẫu của luật giáo hội La mã. Những luật gia phục vụ cho các tòa này, dù với tư cách là Thẩm phán hay luật sư biện hộ, cũng đều là những người đã từng theo học luật La mã tại các trường Đại học ở Anh, chẳng khác gì những luật sư và Thẩm phán làm việc tại các tòa Thương mại và Hàng hải. Cái không khí trí thức vào thời bấy giờ rất thuận lợi cho việc tiếp nhận luật La mã, bởi vì các tu sĩ Thiên chúa giáo cũng như những thường dân học thức, dù không hành nghề luật, đều say mê tư tưởng cấp tiến của thời kỳ Phục hưng cùng chủ nghĩa Nhân bản và **họ thường phản nản về tính cách dã man và nệ thức của Tục lệ pháp. Do đó, họ có khuynh hướng ngả theo Dân luật vì theo họ, Dân luật rõ ràng và dễ hiểu hơn Tục lệ pháp.**

Mặc dầu ở vào hoàn cảnh thuận lợi như vậy, Anh Quốc vẫn chưa sẵn sàng đón nhận luật La mã, lý do này đã được trình bày trong bài viết trước (do tổ chức các phường hội luật hết sức chặt chẽ, tạo được tình liên đới nghề nghiệp tốt đẹp giữa các thành viên trong phường, tạo dựng được một ảnh hưởng chính trị hết sức mạnh mẽ cho giới luật gia cùng duy trì được những khoản lợi nhuận hết sức lớn lao cho họ) mà cho đến ngày nay chính quyền cũng không dám đụng chạm đến.

Một yếu tố khác không kém phần quan trọng, có thể giúp giải thích thêm lý do tại sao luật La mã không được nước Anh hoan hỉ đón nhận, chính là vì một **đội ngũ Đại Tụng và Luật sư hết sức đông đảo và có thế lực, đã trở thành đa số dân biểu tại Quốc hội, và họ đã hậu thuẫn hết mình cho định chế Tục lệ pháp, khiến định chế này biến thành một thứ vũ khí hữu hiệu nhất mà Quốc hội nắm được trong tay để chống lại những đặc quyền của nhà Vua**, trong suốt chiều dài của lịch sử Anh Quốc.

Vì vậy, mọi người dân Anh, hầu như đều cho rằng Tục lệ pháp là một thứ vũ khí cần thiết để bảo đảm sự tự do của họ, chống lại sự chuyên chế của giới lãnh đạo, một thứ vũ khí hữu hiệu mà ở Âu châu lục địa thứ vũ khí ấy chính là bản Hiến Pháp của người dân vậy.

Sau cuộc tranh đấu để thiết lập một chính thể Quân chủ chuyên chế của giòng họ Stuarts ở thế kỷ thứ 17 bị thất bại, Quốc Hội Anh bắt đầu nắm chặt quyền kiểm soát mọi hoạt động trong sinh hoạt quốc gia, do đó, những mối đe dọa liên quan đến sự sống còn của Tục lệ pháp không còn nữa. Tình trạng này đưa đến một thời kỳ ổn định lâu dài của hệ thống pháp luật trong nước. Trong thời gian này, Anh Quốc đã sản xuất được một loạt những thẩm phán tài giỏi và nhờ vậy mà cả tòa Tục lệ pháp lẫn tòa xử

theo Nguyên tắc công bằng đều được phát triển song hành và ôm thắm bên nhau, nương theo những nhu cầu của quốc gia về cả hai lãnh vực kỹ nghệ và thương mại qua nhiều thế kỷ.

Cho đến thế kỷ thứ 18 thì có hiện tượng chống đối Tục lệ pháp ngay trong giới Thẩm phán và luật sư ở Anh. Họ kêu gọi việc điển chế luật nhưng có lẽ do quyền lợi vật chất che mờ lương tâm và lẽ phải, nhóm luật sư này đã bị nhóm luật sư muốn duy trì Tục lệ pháp đồng đảo hơn chống đối kịch liệt.

II. Những Thẩm phán và Luật sư nào ở Anh đã ủng hộ hoặc chống đối Tục lệ pháp?

Trước hết người viết xin đề cập đến vai trò của nhóm luật gia ủng hộ Tục lệ pháp. Trong nhóm này, nổi tiếng nhất là Lord Mansfield (1705 – 1793) lúc bấy giờ đang giữ chức Chánh Thẩm của tòa King's Bench được hơn 30 năm. Ông là một thẩm phán chuyên về Dân luật và là người có công trong việc giúp hoàn thành Bộ luật Thương mại của nước Anh.

Cho đến lúc bấy giờ, những luật gia nổi tiếng của nước Anh từ GLANVILL và BRACONTORE cho đến COKE và MANSFIELD đều là những người xuất thân từ hàng ngũ luật sư trước khi họ được bổ nhiệm vào ngành Thẩm phán rồi sau đó trở thành nổi tiếng.

Nhưng đến thế kỷ thứ 18, người ta còn thấy xuất hiện một nhân vật khác, đó là ông WILLIAM BLACKSTONE (1723 – 1780), một luật sư không mấy tiếng tăm, bỗng nhiên trở thành giáo sư luật của trường Đại học Oxford và người ta có thể nói rằng chính ông ta đã tạo được một ảnh hưởng lâu dài đối với luật lệ của nước Anh.

Sở dĩ ông được nổi tiếng là nhờ vào Bộ sách ‘ Commentaries on the Laws of England’ (Bình luận về luật pháp của nước Anh Cát Lợi). Tập khảo luận này do ông soạn thảo gồm 4 cuốn dựa trên những tài liệu được ông diễn giảng cho sinh viên trường Đại học Oxford liên quan đến tất cả các môn luật học của nước Anh vào thời bấy giờ. Những môn học đó không chỉ đơn thuần là luật tư pháp và luật thủ tục mà còn có cả luật Hiến Pháp và môn Hình luật nữa. Trong lần xuất bản đầu tiên, tập khảo luận của ông đã thành công vượt bậc, nên sau đó, tập sách được tái bản nhiều lần không những ở nước Anh mà còn ở cả những nước khác theo hệ thống Tục lệ pháp. Tập khảo luận được khen ngợi vì lối hành văn trong sáng, cách trình bày vấn đề mạch lạc, khúc chiết, làm nổi bật những vấn đề quan trọng để lưu ý người đọc.

Lẽ dĩ nhiên, tập khảo luận của BLACKSTONE không thể nào so sánh được với những tác phẩm luật học khác đã xuất bản ở lục địa Âu châu vào thời bấy giờ, nhưng chúng ta nên nhớ rằng BLACKSTONE chưa hề được hấp thụ những học lý từng được giảng dạy tại các trường Đại học ở Âu châu vào thời bấy giờ và những học lý ấy đã trở thành những môn học truyền thống của các trường Đại học này từ nhiều thế kỷ trước. Phải công nhận rằng BLACKSTONE có tài trình bày luật lệ của nước Anh một cách dễ hiểu mà trước ông chưa có người Anh nào làm được, khiến cho một người dân thường, có học thức, khi đọc sách của ông, cũng hiểu được.

Blackstone là người đã hậu thuẫn hết mình cho Tục lệ pháp.

Sau khi Hoàng Đế Nã Phá Luân của Pháp bị thất trận thì về mặt đối ngoại, Anh quốc trở thành một nước vững mạnh hơn bao giờ hết nhưng về mặt đối nội thì thế kỷ thứ 19 lại là thời kỳ mà Anh quốc bắt đầu xảy ra những cuộc khủng hoảng chính trị và xã hội nghiêm trọng. Trung tâm hoạt động kinh tế của nước Anh vào thời bấy giờ chỉ nhắm vào hai lãnh vực Thương mại và Kỹ nghệ, cho nên, đã có nhiều người ở nông thôn đổ xô về thành thị để tìm kiếm việc làm trong khi đó lưỡng viện Quốc Hội Anh lại cực kỳ bảo thủ với thành phần đa số lại là các nhà quý tộc, những giám mục và các đại điền chủ.

Cuộc chiến tranh do Nã Phá Luân phát động đã khiến cho lục địa Âu châu trở nên nghèo đi, không thể dùng làm thị trường tiêu thụ các sản phẩm kỹ nghệ đang trên đà phát triển của nước Anh vào thời bấy giờ được nữa. Vì vậy mà vào thời kỳ này, nạn thất nghiệp lan tràn khắp nơi trong nước, công thợ bị hạ giảm trong khi đó các chủ đất lại đưa ra một giá biểu thống nhất cho lúa mì và giá biểu này đã ngăn cản việc nhập cảng ngũ cốc với giá hạ từ nước ngoài đổ vào và điều này đã làm gia tăng nỗi thống khổ của người dân trong nước.

Cảnh đói khát, đình công, phá hoại công cụ sản xuất lan tràn khắp nơi. Những lực lượng tiến bộ ở Anh bắt đầu ý thức được rằng công cuộc cải tổ chính trị và xã hội là điều không thể nào tránh khỏi nếu không muốn có một cuộc cách mạng xảy ra.

Đạo luật bầu cử năm 1831/1832 nhằm chống lại Quý tộc viện (the House of Lords) đã cho phép giai cấp trung lưu ở Anh, lần đầu tiên trong lịch sử của nước này, được chia sẻ quyền hành chính trị với giai cấp lãnh đạo và điều này có nghĩa là những cải tổ quan trọng cũng có thể được đem ra thực hiện ở cả những lãnh vực khác nữa. Chẳng hạn như giới hạn việc xử dụng các trẻ em làm việc và sự thay đổi quan trọng hơn cả là việc *bãi bỏ chính sách bảo vệ giá cả đồng thời nhìn nhận tự do mậu dịch*. Sau hết chính là nhờ vào cơ quan lập pháp mà luật lệ ở nước Anh đã được sửa đổi kịp thời cho phù hợp với tình hình mới.

Ngoài tiếng nói của giới thẩm phán nêu trên, người ta còn nhận thấy tiếng nói của giới ‘trí thức thời đại’ được mệnh danh là ‘thời đại cải cách’ xuất hiện ở nước Anh cũng vào thời kỳ này, tiêu biểu bởi JEREMY BENTHAM (1748 – 1832). Ông là một luật sư đồng thời cũng là một nhà cải cách xã hội. Ngoài ra ông cũng còn là một nhân vật lãnh đạo ‘*Trường phái thực dụng*’ có công xem xét tỉ mỉ đến những định chế cổ truyền trong xã hội Anh để từ đó quyết định xem những định chế ấy có còn hữu ích và thích hợp với trật tự xã hội mới hay không.

Theo BENTHAM thì những quy tắc của Tục lệ pháp thường được dựa trên những sự tình cờ của lịch sử hơn là trên sự sắp đặt hợp lý, cho nên, chính nó là vật cản trở đối với những cải tổ trong xã hội. (The rules of Common law, often based on historical accident rather than design, were simply obstacles in the way of major social reform) Điều này hết sức đúng đối với những người hành nghề luật ở nước Anh mà tiêu biểu cho nhóm này là những luật sư người Anh mà BENTHAM đã chống lại họ bằng những lời lẽ chỉ trích dữ dội. Ông đặc biệt trút sự tức giận của ông lên BLACKSTONE và như vậy BENTHAM đã trở thành một người hăng say tuyên truyền cho công cuộc cải tổ toàn diện hệ thống pháp luật của Anh quốc, mà theo ông, sự cải tổ này chỉ có thể thành công **nếu luật lệ của nước Anh được diễn chế hóa toàn diện**.

Quan điểm của BENTHAM đã gây được tầm ảnh hưởng hết sức lớn lao đối với nền pháp luật của nước Anh vào thế kỷ thứ 19, nhưng lời kêu gọi của ông đối với công việc diễn chế hóa hoàn toàn Tục lệ pháp không được hưởng ứng rộng rãi..

Vì quyền lợi của họ, những luật gia người Anh không thể tha thứ cho bất cứ ai dám đưa ra đề nghị thay thế Tục lệ pháp bằng một bộ luật diễn chế trong đó có chứa đựng cái nhân sinh quan của xã hội mà nhân sinh quan ấy ***có thể trực tiếp đe dọa hoặc làm thiệt hại đến quyền lợi của họ***.

Tuy vậy, những đề nghị cải tổ pháp luật của BENTHAM và trường phái của ông đã gây được những tiếng vang lớn, nhờ vậy mà nhiều đạo luật đặc biệt đã được liên tiếp ban hành vào hạ bán thế kỷ thứ 19 khiến cho cấu trúc các pháp đình cũng như luật Dân sự Tố tụng của nước Anh được cải thiện rất nhiều..

III. Mục tiêu việc cải tổ hệ thống pháp đình và canh cải luật Dân sự tố tụng của nước Anh

Vào thời bấy giờ, luật thủ tục của nước Anh có vẻ kỳ dị về nhiều phương diện. Thẩm quyền tài phán của tòa này chồng chéo lên thẩm quyền tài phán của tòa kia. Đôi khi những thẩm quyền ấy lại đối nghịch với nhau đến độ khó hiểu. Mỗi tòa lại còn có những quy tắc thủ tục riêng, áp dụng những hình thức tố quyền riêng cho tòa mình ! Các tòa tục lệ pháp và các tòa xử theo nguyên tắc công bằng nhìn thực tại pháp dưới nhãn quan khác hẳn nhau. Hậu quả là nạn nhân của một vụ kiện khi xin tòa một lệnh cưỡng hành (injunction) và đòi bồi thường thiệt hại đã phải đi đến hai tòa án khác nhau. Để tránh những trở ngại phiền phức này, một số đạo luật đặc biệt đã lần lượt được ban hành, để rồi sau đó, được tập trung vào một đạo luật đặc biệt khác và dần dần được thống nhất, có tên là ‘Luật cải tổ cấu trúc pháp đình và thủ tục tố tụng’ (Judicature Act 1873) có hiệu lực kể từ năm 1875 và vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

Mục tiêu tiêu thứ nhất. Thay đổi toàn diện tổ chức các tòa án trong nước. Ở Anh, luật thủ tục được ghi ngay trong đạo luật chính chứ không quy định trong một đạo luật tố tụng riêng.như tại các quốc gia ở Âu châu.

Rất nhiều tòa án trước kia đứng độc lập thì nay được hợp nhất lại dưới một danh xưng chung là Tối Cao Pháp Viện (the Supreme Court of Judicature) mà thành phần gồm có Tòa Thượng Thẩm (the High Court of Justice) và Tòa Phúc Thẩm (the Court of Appeal). Tòa Thượng thẩm được phân ra làm nhiều ban, mỗi ban thụ lý những vụ tranh tụng chuyên biệt mà trước kia những vụ tranh tụng của các tòa này thuộc thẩm quyền xét xử của một hay nhiều tòa độc lập. Những thỉnh cầu mà trước đây có thể bị bác vì không thuộc thẩm quyền của tòa nhận đơn thì nay tòa nhận đơn chỉ việc chuyển hồ sơ cho tòa có thẩm quyền liên hệ, cùng nằm trong một ban để xét xử.

Mục tiêu thứ nhì : Hai tòa Tục lệ pháp và Nguyên tắc công bình, khi xét xử, phải áp dụng luật lệ của nước Anh .

Điều này có nghĩa là các Ban của tòa Thượng thẩm cũng như của tòa Phúc thẩm phải áp dụng những nguyên tắc thủ tục theo luật lệ của nước Anh, bất kể chúng được hình thành bởi tòa Tục lệ pháp hay bởi tòa xử theo nguyên tắc công bằng. Nếu có tranh chấp xảy ra thì nội vụ sẽ được giải quyết theo khoản 25(11) của đạo luật Cải tổ tư pháp (Judicature Act) vì khoản này có dự liệu rằng Nguyên tắc công bằng phải được xem như có ưu thế hơn.

Mục tiêu thứ ba Việc hủy bỏ hệ thống mẫu đơn khởi tố (the writ system).

Hệ thống mẫu đơn khởi tố trước đây được dùng để thỉnh cầu tòa cho xuất một lệnh trạng đòi bị đơn phải ra hầu tòa để trả lời về lời cáo buộc trong đơn khởi tố của nguyên đơn.

Vào thời của BLACKSTONE, việc sử dụng **writ** trong các vụ kiện hãy còn thịnh hành và **writ** chỉ bắt đầu bị hủy bỏ sau khi đạo luật tư pháp ra đời nhằm thống nhất hàng loạt những đạo luật đặc biệt đã được ban hành kể từ năm 1832 cho đến năm 1860. Ngày nay, đối với những vụ tranh tụng trước tòa Thượng thẩm thì vẫn hãy còn được khởi động bằng một ‘lệnh hầu tòa’ (**writ of summons**) tức là một thỉnh cầu do nguyên đơn đệ nạp cho tòa trong đó có trình bày những điểm chính liên quan đến những điều khiếu nại để làm hậu thuẫn cho thỉnh cầu. Đạo luật cải tổ tư pháp lại còn nhắm vào một mục tiêu khác là **thống nhất các nguyên tắc thủ tục**. Chẳng hạn như 3 ban Queen’s Bench Division, Echequer Division và Common Pleas Division, trước kia là 3 tòa án độc lập có thẩm quyền tài phán độc lập với nhau thì kể từ năm 1881 ba ban này được nhập chung lại làm một và mang một tên chung là **Queen’s Bench Division**. Những vụ y tranh tụng trước kia thuộc quyền tài phán của **tòa Chancery** thì nay được chuyển qua **ban Chancery**, gọi là Chancery Division.

Sau hết, đối với những tranh tụng về hiệu lực của chúc thư, hiệu lực của giá thú và luật hàng hải (Admiralty law) mà trước kia thuộc thẩm quyền của của 3 tòa độc lập thì nay được nhập lại làm một và mang một tên chung là **Probate, Divorce and Admiralty Division**. (Trong nhiều trường hợp luật La mã đã được các ban này sử dụng đến để xét xử các vụ tranh tụng liên quan đến các vấn đề thừa kế, hôn nhân và hàng hải.

BENTHAM và trường phái của ông cho rằng *chỉ có luật lệ thành văn* mới là con đường duy nhất có thể mang lại sự ổn định pháp luật lâu dài nhờ ở sự tu thảo kỹ lưỡng và mang một nội dung giản dị khiến mọi người có học thức, khi đọc, cũng có thể hiểu được. Quan điểm nêu trên của Bentham đã đưa đến sự ra đời của đạo luật Thương mại của nước Anh và hàng loạt những đạo luật khác bao gồm nhiều lãnh vực vào cuối thế kỷ thứ 19, tỷ như đạo luật về Hối đoái 1882 (Bill of Exchanges 1882), đạo luật về Công Ty Hợp Danh 1890 (the Partnership Act 1890), đạo luật về Hàng hóa bán ra phải có phẩm chất tốt 1893 (the Sale of Good Act 1893), đạo luật về bảo hiểm Hàng hải 1906 (the Marine Insurance Act 1906). Tuy nhiên, những đạo luật kể trên *không phải là những bản văn pháp lý được nhà lập pháp sáng tạo ra* để ứng phó với nhu cầu cần thiết trong xã hội vào thời bấy giờ. Các đạo luật này chỉ là một *công trình cô đọng những quy tắc đã có sẵn lấy ra từ An lệ* của các tòa Tục lệ Pháp rồi đem hệ thống hóa lại cho có thứ tự mà thôi. Tuy nhiên, vì e ngại về lý do kỹ thuật còn khuyết điểm, những đạo luật thuộc loại này có thể bị hiểu lầm, cho nên phần cuối của đạo luật được ghi thêm rằng trường hợp có sự hoài nghi về ý nghĩa của một đoạn nào đó trong đạo luật thì người ta có thể tham khảo trở lại các quyết định trước kia của tòa án.

Cho đến nay, các bộ luật tư pháp quan trọng như bộ luật gia đình, bộ luật thừa kế, bộ luật khế ước và bộ luật về Tín thác hội (the Law of Trust) vẫn chưa được điển chế mặc dầu một đạo luật của Quốc Hội Anh ban hành năm 1965 nhằm thiết lập một Ủy Ban soạn thảo luật (the Law Commission) và đề cử Lord Scarman * làm Chủ Tịch Ủy Ban nhưng cho mãi đến năm 1980, Ủy Ban vẫn chưa hoàn thành được một bộ luật nào cả và kết cuộc vì lý do thiếu ngân khoản để tiếp tục chương trình, nên Ủy Ban đã âm thầm tự giải tán.

Vì vậy mà có nhiều người cho rằng đa số người dân Anh thích có những đạo luật riêng tỳ như những đạo luật về hôn sản, luật thừa kế, luật nghĩa dưỡng, luật về con tư sinh, về quản trị bất động sản, về nghiệp vụ tín dụng ... hơn là bộ luật điển chế liên quan đến những luật lệ nói trên. Nhưng dù cho những đạo luật này có được đem ra điển chế đi chăng nữa thì chẳng qua những bộ luật điển chế như thế *chỉ là kết quả của công việc tập trung những bản án của các tòa án được đem ra cô đọng lại mà thôi* chứ không phải là *những bộ luật điển chế theo đúng nghĩa của nó* do các nhà lập pháp của nước này sáng tạo ra như ở Âu châu.

IV. Kết luận

Ngày nay, những người hành nghề luật ở nước Anh cũng đang phải đối phó với những đạo luật mới mang màu sắc và đặc tính xã hội tương tự như đồng nghiệp của họ ở Âu châu lục địa. Đó là những đạo luật Nhà phố, luật Bảo vệ quyền của người thuê nhà, luật về An sinh xã hội, luật Bảo hiểm tai nạn lưu thông, luật cấm cạnh tranh bất chính, độc quyền ...

Về phương diện sáng tạo luật thì dường như ở nước Anh cũng như ở Âu châu đều có sự thay đổi. Ở Anh, Quốc Hội hay các Tổng Trưởng được Quốc hội ủy nhiệm quyền làm luật đã dần dần giành lại quyền này trong tay các Thẩm phán, đặc biệt là những đạo luật mang tính cách xã hội. Do đó, các Thẩm phán ở Anh đã mất đi cái vai trò độc quyền làm luật của họ qua các bản án mà họ đã liên tục nắm giữ gần một ngàn năm qua. Ở Âu châu lục địa, vai trò của Thẩm phán là giải thích luật mà việc giải thích luật của các Thẩm phán ở Âu châu mang nặng tính cách kỹ thuật nhằm thích ứng những luật lệ này vào hoàn cảnh xã hội mới và quan điểm của các Thẩm phán trong án văn đã được các nhà lập pháp ở Âu châu đem du nhập vào các đạo luật mới cho nên người ta có thể nói rằng các nhà lập pháp ở Âu châu cũng đang trút gánh nặng sáng tạo luật của họ lên vai các thẩm phán.

Trở lại vấn đề đã từng gây nhiều tranh luận trước đây là luật thành văn hay quyết định của tòa án mới là nguồn gốc của luật pháp ? Cho dầu có trả lời được câu hỏi này đi chăng nữa thì có lẽ câu trả lời cũng chẳng thể nào giúp ta hiểu rõ được sự khác biệt căn bản giữa hai hệ thống Dân luật và Tục lệ pháp. Theo quan điểm của người viết, vấn đề quan trọng hơn cả cần được đặt ra để giải quyết là câu hỏi sau đây:

“ Khi giải quyết những trường hợp cá nhân trong các vụ tranh tụng, các Thẩm phán ở Âu châu và các Thẩm Phán ở Anh đã áp dụng và giải thích luật như thế nào?”

Vấn đề quan trọng này sẽ được bàn đến trong một chương khác.

* Lord Scarman, Leslie George Scarman, Baron Scarman (29/7/1911 - 8/12/2004) : High Court Judge 1961; Lord of Appeal in Ordinary 1973, Law Lord from 1977 – 1986.